SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH
Số: 991 /BVĐK-VT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh test nhanh, hoá chất và vật tư dùng trong xét nghiệm

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm test nhanh, hoá chất và vật tư dùng trong xét nghiệm và chạy thận nhân tạo cho người bệnh tại bệnh viện năm 2023, Bệnh viện đa khoa Tây Ninh đề nghị quý công ty báo giá 65 mặt hàng sau:

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VI SINH			
1	BHI Broth	lọ	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường BHI. Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ *Haemophilus influenzae.* Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	200
2	Chai cấy máu	chai	Chai nhựa nắp vặn chặt, mặt nắp là lớp cao su. Chai có hai phase môi trường: Phase lỏng là 40 ml BHI có SPS kháng đông, phase đặc là mặt thạch phẳng 10 ml BHI. Cấy phân lập các vi khuẩn hiếu khí (kể cả vi khuẩn khó mọc) từ bệnh phẩm máu (cấy máu). Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	288
3	Đĩa giấy Bacitracin	lọ	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Bacitracin. Mỗi lọ chứa 20 đĩa Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	1
4	Đĩa giấy Novobiocin	lọ	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện đề kháng Novobiocin. Mỗi lọ chứa 20 đĩa. Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	1
5	Đĩa kháng sinh Optochin	lọ	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin. Mỗi lọ chứa 20 đĩa. Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	2
6	Môi trường BA	đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α, ß, g) của Streptococcus Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	400

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
7	Môi trường BAGe	đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt. Phân lập chọn lọc và phân biệt 3 kiểu hình tiêu huyết (α, ß, g) của Streptococcus. Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	10
8	Môi trường CAXV	đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	10
9	Môi trường MC	đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	400
10	Môi trường SS	đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella. Phân biệt khả năng lên men lactose Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	20
11	NaCl 0,85% vô trùng	lọ	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để pha huyền dịch vi khuẩn dùng cho định danh và kháng sinh đồ Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc FDA	200
	TEST NHANH XÉT NGHIỆM			
12	Test chất nghiện/ nước tiểu (MOR+MET+THC+MDMA +…)	test	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C.	200
13	Test Syphilis	test	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum. Độ nhạy: ≥ 99% (95%CI 96,4-99,9%) và Độ đặc hiệu: ≥ 99.5% (95%CI 97,4-99,9%) so với TPHA; Mẫu xét nghiệm: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính Malaria P.f, Malaria P.v, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, dương tính Leprosy, mẫu của phụ nữ mang thai	500
14	Test thử nước tiểu 10 thông số hoặc tương đương	test	Que thử nước tiểu dùng để định tính và bán định lượng 10 thông số chạy được trên máy CLINITEK STATUS +	1.600

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
15	Test Dengue NS1 Ag	test		100
16	Que thử đường huyết + kim lấy máu	bộ (que + kim)	- Lượng máu lấy nhỏ 0.5 µl. Cho kết quả nhanh chỉ 5 giây. Đo lượng đường trong máu trong khoảng 20~600mg/dL (1.1 ~ 33,3 mmol/L). - Nhận máu mao mạch, tĩnh mạch và động mạch. - Nhà thầu chịu trách nhiệm đặt máy thử đường huyết.	11.500
	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU SOLEA 100			
17	Calcium Chloride	hộp	Hóa chất được sử dụng cùng với hóa chất APTT cho máy Solea 100 (Pha R2).	3
18	Chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu PT (Prothrombin Time)	hộp	Hóa chất calibration TP. Dùng trong quá trình xác định Prothrombin Time (%, INR). Dùng cho máy Solea 100	1
19	Cuvettes	hộp	Vật tư sử dụng cho máy đo đông máu tự động Solea 100	4
20	Chất thử chẩn đoán đông máu ngoại sinh PT (Prothrombin Time)	hộp	Dùng cho máy Solea 100. Dùng xác định Prothrombin Time trong huyết tương. Thành phần gồm 2 pha R1, R2. C.V: 1.46 % (level 1). Độ đục gây nhiễu: Không thấp hơn 0.380 Abs.	32
	HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC DÙNG CHO MÁY PENTRA XLR, 35 THÔNG SỐ			
21	Dung dịch rửa protein	bình	Là dung dịch có tính enzyme giúp làm sạch các vết protein.	6
22	Dung dịch nhuộm bạch cầu ưa kiềm	bình	Là dung dịch phân giải hồng cầu (RBC) và giúp cho việc xác định số lượng bạch cầu	10
23	Dung dịch kiểm chuẩn máy mức trung bình	Hộp	Là dung dịch kiểm chuẩn cho dòng máy 5 thành phần.	1
24	Dung dịch kiểm chuẩn máy mức thấp	Hộp	Là dung dịch kiểm chuẩn cho dòng máy 5 thành phần.	1
25	Dung dịch kiểm chuẩn máy mức cao	Hộp	Là dung dịch kiểm chuẩn cho dòng máy 5 thành phần.	1
26	Dung dịch ly giải hồng cầu và xác định bạch cầu	bình	Là dung dịch phân giải hồng cầu (RBC), tách được bạch cầu ưa kiềm và phá vỡ màng các loại bạch cầu khác.	17
	HÓA CHẤT - VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI EX-D			
27	Chất chuẩn 1 cho máy điện giải EX-D có thể nâng cao	chai	Sử dụng tương thích với máy điện giải tự động EX-D.	5
28	Chất chuẩn 2 cho máy điện giải EX-D có thể nâng cao	chai	Sử dụng tương thích với máy điện giải tự động EX-D.	2
	HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI EASYLYTE PLUS NA/K/CL			

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
29	Điện cực Na	Hộp	Điện cực Na, chứa đường ống thủy tinh đặc biệt nhạy với ion Na, dùng cho máy xét nghiệm điện giải	1
30	Điện cực K	Hộp	Điện cực K, ionophores trung tính, dùng cho máy xét nghiệm điện giải	1
31	Điện cực Cl	Hộp	Điện cực Cl, đặc biệt nhạy với Cl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải	1
32	Điện cực tham chiếu	Hộp	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	1
	HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM HBA1C			
33	Bộ kit hiệu chuẩn Hemoglobin Glucosylated (Control kit HbA1c)	Hộp	Dùng hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c dùng trên máy sắc ký lỏng cao áp trao đổi ion. Sử dụng tương thích trên thiết bị dùng cho cột sắc ký và hóa chất đi kèm	1
	HÓA CHẤT SINH HÓA			
34	Hóa chất xét nghiệm định lượng UREA/BUN-UV	ml	Đo nồng độ urea trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu. Giới hạn phát hiện: Khoảng 7 mg/dL.	1.000
35	Hóa chất xét nghiệm định lượng CREATININ	ml	Đo nồng độ Creatinine trong huyết tương, huyết thanh hoặc nước tiểu. Giới hạn phát hiện: 20 µmol/L (0.23 mg/dL).	1.000
36	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL/Cholesterol Direct	ml	Đo nồng độ HDL-Cholesterol trong huyết tương hoặc huyết thanh. Giới hạn phát hiện: Khoảng 2.5 mg/ dL.	400
37	Hóa chất xét nghiệm định lượng LACTATE	ml	Mục đích sử dụng: xác định định lượng Lactate ở huyết tương người. Khoảng đo: 0.65-150 mg/dl.	100
	HÓA CHẤT XN MIỄN DỊCH (MÁY ACCESS 2)			
38	Định lượng total βhCG	Hộp	Phạm vi phân tích: 0,6–1350 mIU/mL ; Phương pháp: Miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich"); Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ IgG kháng chuột ở dê: các phức hợp kháng βhCG đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Protein (dê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm citrate, có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c:Liên hợp photphataza kiềm kháng βhCG ở thỏ (tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm MES, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (thỏ), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300	5

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
39	Định lượng BNP	Hộp	Phạm vi phân tích: 1 - 5000 pg/mL; Phương pháp: Miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich").; Thành phần: R1a: Các hạt từ tính có phủ kháng thể đơn dòng chuột kháng BNP người hòa trong muối đệm TRIS, với albumin huyết thanh bò (BSA), 0.1% ProClin 300, và < 0.1% sodium azide. R1c: Phức hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng BNP người- alkaline phosphatase (bò) trong muối đệm PBS với BSA, 0.1% ProClin 300, và <0.1% sodium azide	1
40	Định lượng total PSA	Hộp	Phạm vi phân tích: 0,008–150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008–121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO); Phương pháp: Miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich"); Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza (bò) kiềm kháng PSA đơn dòng ở chuột được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.	2
41	Phát hiện HBs Ag	Hộp	Phương pháp: Miễn dịch enzym một bước ("sandwich"); Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ streptavidin và liên kết với các kháng thể đặc hiệu HBs Ag đơn dòng (chuột) được gắn biotin trong dung dịch đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1b: Dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (chuột, bò), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1c: Kháng thể đặc hiệu HBs Ag đơn dòng (chuột) liên hợp với photphataza kiềm (tái tổ hợp) trong dung dịch đệm phosphate có chất hoạt tính bề mặt, BSA, < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300	5
42	Chất chuẩn HBs Ag	Hộp	C0: Chất hiệu chuẩn âm tính: Chất nền BSA đệm, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300 C1: Chất hiệu chuẩn dương tính: Chất nền BSA đệm, kháng nguyên HBs, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300 Chất hiệu chuẩn: 2	1
43	Chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ag	Hộp	QC1: Huyết tương người được khử xơ, HBs Ag âm tính, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300 QC2: Huyết tương người được khử xơ, HBs Ag dương tính, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300	1

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
44	Định tính HIV (Ag/Ab)	Hộp	Phương pháp: Miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (theo nguyên lý "bánh kẹp thịt" (sandwich)); Thành phần: R1a: Các Hạt thuận từ:được bọc protein tái tổ hợp của HIV-1 (gp 160), polypeptide HIV-1-O (gp 41) và HIV-2 (gp 36) và kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên p24 HIV-1, được phân tán trong nước muối sinh lý đệm TRIS, với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%). R1b: Chất phụ gia cộng hợp:Nước muối sinh lý đệm TRIS với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%). R1c: Chất phụ gia hạt: Nước muối sinh lý đệm TRIS có kháng thể đơn dòng gắn biotin kháng p24 HIV-1, với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%) R1d: Chất cộng hợp: Các polypeptide HIV-1, HIV-1-O, HIV-2 và streptavidin cộng hợp với alkaline phosphatase, với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%).	8
45	Chất chuẩn HIV Combo	Hộp	C0: Huyết thanh người không chứa kháng nguyên HIV-1 và các kháng thể HIV-1/HIV-1-O/ HIV-2 (không hoạt động), 0.1% sodium azide, C1: huyết thanh người (phản ứng) dành cho kháng thể kháng HIV-1 với natri azit 0,1% và ProClin 300 0,25%	1
46	Chất kiểm tra xét nghiệm HIV Combo	Hộp	QC1: Huyết thanh người không chứa kháng nguyên HIV-1 và các kháng thể HIV-1/HIV-1-O/ HIV-2 (không hoạt động), 0.1% sodium azide QC2: Huyết thanh người dương tính (phản ứng) dành cho kháng thể kháng HIV-1 với natri azit 0,1% và ProClin 300 0,25% QC3: Kháng nguyên HIV-1 tinh chế đã được loại bỏ hoạt tính nhiệt bằngchất phá vỡ cấu trúc trong Dung Dịch Đệm Tris với ProClin 300 0,1%	1
47	Access PCT QC	Hộp		1
48	giếng phản ứng	Hộp	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	5
49	Wash Buffer	Hộp	Muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide	5
50	Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch tim mạch	Hộp		1
	HÓA CHẤT XN MIỄN DỊCH			
51	HBsAg HÓA CHẤT CHÍNH	hộp	* Xét nghiệm vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước định tính kháng nguyên bề mặt vi-rút viêm gan siêu vi B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	5

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
52	TSH HÓA CHẤT CHÍNH	hộp	* Xét nghiệm vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước định lượng hormon TSH trong huyết thanh và huyết tương người * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	5
53	TROPONIN I hs HÓA CHẤT CHÍNH	hộp	* Xét nghiệm vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước định lượng Troponin tim trong huyết thanh và huyết tương người * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	5
54	B-HCG-TOTAL HÓA CHẤT CHÍNH	hộp	* Xét nghiệm vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước định lượng BHCG trong huyết thanh và huyết tương người * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	2
55	BNP HÓA CHẤT CHÍNH	hộp	* Xét nghiệm vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước định lượng peptide tăng bài tiết Natri tuýp B (BNP) trong huyết tương người * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	1
56	WASH BUFFER	thùng	* Dung dịch rửa cho kỹ thuật vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước cho hệ thống xét nghiệm Architect * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	2
57	TRIGGER	thùng	* Dung dịch rửa cho kỹ thuật vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước cho hệ thống xét nghiệm Architect * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	2
58	PRETRIGGER	thùng	* Dung dịch rửa cho kỹ thuật vi hạt hóa phát quang linh hoạt 2 bước cho hệ thống xét nghiệm Architect * Đạt tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA	2
	HÓA CHẤT CHẠY THẬN NHÂN TẠO			
59	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Acid hoặc tương đương	can	Dùng cho bệnh nhân chạy thận nhân tạo, dùng được cho máy chạy thận B.Braun Dialog+ và Fresenius 4008S. Tương thích tỷ lệ pha với dd đậm đặc bicarbonate. Loại 1A. Tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA	80
60	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Bicarbonat hoặc tương đương	can	Dùng cho bệnh nhân chạy thận nhân tạo, dùng được cho máy chạy thận B.Braun Dialog+ và Fresenius 4008S. Tương thích tỷ lệ pha với dd đậm đặc Acetate. Loại 1B. Tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA	250
	HÓA CHẤT SÁT KHUẨN			
61	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại, chứa 0,55% Ortho-Phthalaldehyd.	bình	Hoạt chất chính : 0,55% Ortho-Phthalaldehyd.	48
	VẬT TƯ DÙNG TRONG XÉT NGHIỆM			

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng
62	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn	lọ	Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích 55ml, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn. Có chia vạch	30.000
63	Tube thủy tinh nắp vặn	tube		300
	HÓA CHẤT, VẬT TƯ KHÁC			
64	Vôi Soda	kg		50
65	Giấy in nhiệt kích thước 57x25mm	cuộn		100
	Tổng cộng: 65 khoản			

Báo giá bao gồm thông tin: Tên hàng hóa mời báo giá; tên hàng hoá đơn vị cung cấp báo giá; mô tả kỹ thuật; mã hiệu/ mã code; quy cách đóng gói; hạn dùng; số giấy phép lưu hành; hãng sản xuất; nước sản xuất; đơn vị tính; giá kê khai được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế quy định tại Điều 45 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 Về quản lý trang thiết bị y tế; đơn giá báo giá đã bao gồm thuế, phí các loại, chi phí vận chuyển đến Bệnh viện đa khoa Tây Ninh.

Kính đề nghị nhà cung cấp gửi báo giá về Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, theo địa chỉ: Phòng Vật Tư Thiết Bị Y Tế - Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, số 626 đường 30/4, khu phố 5, phường 3, TP.Tây Ninh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BMT BVĐK Tây Ninh;
- Đăng website BVĐK Tây Ninh;
- Lưu HC, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA

BS.CKII. Trang Anh Dũng

Mẫu kèm thư mời báo giá số: /BVĐK-VT ngày /10/2023

Tên đơn vị báo giá
Địa chỉ:
SĐT: Fax:
Email:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Tên hàng hoá đơn vị cung cấp báo giá	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật	Mã hiệu/ Mã code	Quy cách đóng gói	Hạn dùng	Số GPLH/ GPNK/ TKHQ	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Mã giá kê khai/ Giá kê khai trên web Bộ Y tế	Đơn giá (Có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Cộng: .... khoản											

* *Giá kê khai trên web Bộ Y tế: được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 98/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 Về quản lý trang thiết bị y tế*

Ghi chú:

Bảng giá trên đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển đến Phòng Vật Tư – Thiết Bị Y Tế Bệnh viện đa khoa Tây Ninh.

Bảng giá có giá trị đến ngày / / .

_____, ngày ____ tháng _____ năm _____
Đại diện nhà cung cấp
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)